

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HS-ST

Ngày: 13-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Vũ Bằng – Bí thư thị đoàn Duyên Hải

Ông Dương Quốc Võ – Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Khoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Kh1 sinh ngày 03/6/2001; tại tỉnh Q.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; nơi cư trú: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1982; chưa có vợ và con; tiền án: không; tiền sự: 02 lần: lần 01 ngày 21/01/2021 bị Công an xã N, thị xã P xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; lần 02: ngày ngày 26/3/2021 bị Công an phường N, thị xã P xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: bị tiền sự; ngày 10/6/2021 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang bị tạm giam trong vụ án khác; có mặt.

2. Nguyễn Văn Kh2 sinh ngày 31/5/2003; tại Trà Vinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T sinh năm 1981 và bà Dương Thị Hồng Tsinh năm 1982; chưa có vợ và con; tiền án: không; tiền sự: 01 lần vào ngày 21/01/2021 bị Công an xã N xử

phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: đã bị tiền sự; ngày 21/5/2021 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn Khánh:*

1/. Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1981 (cha ruột bị cáo); cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q;

+ *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Tú:* Bà Dương Thị Hồng T sinh năm 1982; cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; có mặt.

2/. Bà Dương Thị Hồng T sinh năm 1982 (mẹ ruột bị cáo); cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Q; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Kh2:* Ông Trần Minh Nh là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Bùi Văn Ch sinh năm 1977; trú tại: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/. Ông Lê Văn T sinh năm 1961; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1963; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 20/3/2021 bị cáo Nguyễn Văn Kh1 rủ bị cáo Nguyễn Văn Kh2 đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền trả tiền thuê nhà và mua ma túy sử dụng thì bị cáo Kh2 đồng ý. Bị cáo Kh1 điều khiển xe mô tô Dream, không có biển số chở bị cáo Kh2 từ xã Dân Thành đi vào phường 1 rồi đến phường 2 thị xã Duyên Hải để tìm tài sản. Khi đến khu vực gần Cảng cá các bị cáo nhìn thấy nhà ông Bùi Văn Ch thuộc khóm M, phường M, thị xã Q có 01 chân vịt ghe nhưng nặng quá không nâng lên được nên các bị cáo đi tìm xe cắm lô để kéo. Các bị cáo tiếp tục đi đến gần cầu D thì nhìn thấy xe cắm lô của ông Lê Văn T ở ấp M, xã N để ở cặp đường nên các bị cáo lấy và quay lại chỗ để chân vịt, các bị cáo để chân vịt lên xe cắm lô và kéo về nhà cất giấu. Khi đến gần Nghĩa trang liệt sỹ thuộc phường N, thị xã P thì Công an phường N phát hiện.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 09/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 chân vịt ghe, loại 04 cánh quạt bằng nhôm, đường kính 1,8m, nặng 170kg, giá 7.650.000 đồng. Còn xe cầm lô không còn giá trị.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKS-HS ngày 27/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải truy tố bị cáo Nguyễn Văn Kh1 và Nguyễn Văn Kh2 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Kh1 và Kh2 đều khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố và cũng thống nhất về kết luận định của Hội đồng định giá.

Kiểm sát viên luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh1 từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các Điều 17, 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự: tịch thu và tiêu hủy gồm: 01 cây Kéo bằng kim loại màu đen; 01 cây Kiềm bằng kim loại, cán màu đỏ; 01 cây Kiềm bằng kim loại, cán màu đen; 01 cây Kiềm bằng kim loại, cán màu đen đỏ; 01 cây Cơ lê loại 17mm; 01 cây Cơ lê loại 16mm; 01 cây Cơ lê loại 10mm; 01 cây Điều loại 12mm; 01 cây Điều loại 13mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 2,5mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 3mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 4mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 5 mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 6mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 08mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 10mm; 01 cái Bóp bằng vải màu đen; 01 cặp bao tay bằng vải màu đen. Trả lại cho ông Đặng Văn H 01 xe mô tô Dream, không có biển số.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Kh2: Ông Trần Minh N phát biểu ý kiến:

Cáo trạng truy tố bị cáo Khánh về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo Kh2 là người bị rủ đi trộm cắp tài sản, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên chưa

nhận thức được hậu quả, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, gia đình có công với cách mạng, tài sản có giá trị 7.650.000 đồng và được trả cho bị hại nên thuộc trường hợp chưa gây thiệt hại hoặc thiệt không lớn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Từ cơ sở phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02 cho bị cáo được hưởng án treo.

- Viện kiểm sát viên đối đáp: Hành vi phạm tội của bị cáo Kh2 đã hoàn thành, theo Công văn số 994/VKSTC-V3 ngày 09/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thì trường hợp này không được coi là chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn. Bị cáo Kh2 thường xuyên không chung sống với gia đình nên có nơi cư trú không rõ ràng, nhân thân bị cáo xấu và xuất phát từ tình hình chính trị của địa phương nên áp dụng mức hình phạt tù với bị cáo là thỏa đáng. Từ cơ sở phân tích trên đề nghị của người bào chữa là chưa có cơ sở chấp nhận.

- Người bào chữa cho bị cáo Khánh bảo lưu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02 cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Kh2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Kh2 không phát biểu ý kiến tranh luận bổ sung, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H không phát biểu ý kiến tranh luận.

Bị cáo Kh1 không nói lời sau cùng. Bị cáo Kh2 nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Kh1 và Kh2 tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập được. Trên cơ sở đánh giá, xem xét toàn diện các chứng cứ có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 20/3/2021 bị cáo Kh1

và bị cáo Kh2 thống nhất cùng nhau đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Bị cáo Kh1 điều khiển xe mô tô Dream, không có biển số chở bị cáo Kh2 đi tìm tài sản để lấy trộm. Sau đó các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy xe cầm lô của ông T ở ấp M, xã N và cùng đi đến nhà của ông Chon ở khóm M, phường N, thị xã P, các bị cáo lén lút lấy 01 chân vịt ghe và kéo về nhà cất giấu thì bị phát hiện.

[2] Bị cáo Kh1 là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ còn bị cáo Kh2 khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 17 tuổi 09 tháng là người dưới 18 tuổi. Các bị cáo đều nhận biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 chân vịt ghe có giá trị 7.650.000 đồng, còn xe cầm lô không còn giá trị. Như vậy hành vi của bị cáo Kh1 và Kh2 đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì lòng tham các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 7.650.000 đồng; hành vi của các bị cáo không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và còn làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo Kh1 02 lần bị xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị cáo Kh2 01 lần bị xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Khánh khi thực hiện hành vi phạm tội là người dưới 18 tuổi, mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu và có nơi cư trú không rõ ràng, do đó áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là cần thiết. Từ cơ sở phân tích trên, phải xử lý nghiêm và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản dưới dạng đồng phạm giản đơn, không có người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy để phân công nhiệm vụ. Bị cáo Kh1 là rủ bị cáo Khánh đi trộm cắp tài sản và dùng xe mô tô chở bị cáo Kh2 đi tìm kiếm tài sản và cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do đó bị cáo có vai trò tích cực nhất. Bị cáo Kh2 là người cùng bị cáo Kh1 trực tiếp cùng nhau thực hiện hành vi lấy trộm tài sản.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Kh2 có người thân tham gia cách mạng. Do đó bị cáo Kh1 và bị cáo Kh2 đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo Khánh được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo Kh2 khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là dưới 18 tuổi, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 98 và Điều 101 Bộ luật hình sự để áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với người phạm tội dưới 18 tuổi.

[6] Về áp dụng hình phạt: Phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đúng tính chất, mức độ, vai trò, vị trí và hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết và các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về quan điểm bào chữa cho bị cáo Kh2: Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Kh2 đã hoàn thành, việc trả lại tài sản là do bị thu hồi không phải do bị cáo tự nguyện trả nên không đủ điều kiện áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân xấu, có nơi cư trú không rõ ràng nên cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo với mục đích giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Từ cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[8] Riêng đối với ông Đặng Văn H khai xe mô tô Dream, biển số 84F9-1945 bị mất, xe này bị cáo Kh1 khai mua của người khác, nhưng không biết tên và địa chỉ, các bị cáo sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy: chưa có căn cứ kết luận được đối tượng chiếm đoạt, hành vi chiếm đoạt, do đó khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[9] Về xử lý vật chứng: Các bị cáo khai các công cụ bị cáo mang theo là để phục vụ cho việc lấy trộm tài sản, nhưng không còn giá trị sử dụng. Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu và tiêu hủy gồm: 01 cây Kéo bằng kim loại màu đen; 01 cây Kiềm bằng kim loại, cán màu đỏ; 01 cây Kiềm bằng kim loại, cán màu đen; 01 cây Kiềm bằng kim loại, cán màu đen đỏ; 01 cây Cơ lê loại 17mm; 01 cây Cơ lê loại 16mm; 01 cây Cơ lê loại 10mm; 01 cây Điều loại 12mm; 01 cây Điều loại 13mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 2,5mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 3mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 4mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 5 mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 6mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 08mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 10mm; 01 cái Bóp bằng vải màu đen; 01 cặp bao tay bằng vải màu đen.

[9.1]. Đối 01 xe mô tô Dream, không có biển số là phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Theo phiếu trả lời xác minh của Công an tỉnh Trà Vinh: Xe mô tô Dream, biển số 84F9-1945, màu đen, số máy: C100MNE0059229; số khung C1000MN0059299 do ông Đặng Văn H đứng

tên. Tại phiên tòa ông H xác định xe này là tài sản của ông bị mất; bị cáo Kh1 khai mua nhưng không biết tên, địa chỉ người mua. Hội đồng xét xử xét thấy: xe mô tô là tài sản hợp pháp của ông H, các bị cáo sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản là không hợp pháp, do đó áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự trả lại cho ông Hải.

[10] Về trách nhiệm dân sự: không có yêu cầu nên không xem xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Kh1 và bị cáo Kh2 mỗi bị cáo phải phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Duyên Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn Kh1 và Nguyễn Văn Kh2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm i,s khoản 1 Điều 51 và các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh1 10 (mười) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn Kh1 được tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các Điều 17, 98 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh2 06 (tháng) tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn phạt tù của bị cáo Nguyễn Văn Kh2 được tính từ ngày chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy gồm: 01 cây Kéo bằng kim loại màu đen; 01 cây

Kiểm bằng kim loại, cán màu đỏ; 01 cây Kiểm bằng kim loại, cán màu đen; 01 cây Kiểm bằng kim loại, cán màu đen đỏ; 01 cây Cơ lê loại 17mm; 01 cây Cơ lê loại 16mm; 01 cây Cơ lê loại 10mm; 01 cây Điều loại 12mm; 01 cây Điều loại 13mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 2,5mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 3mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 4mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 5 mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 6mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 08mm; 01 cây Lục giác bằng kim loại 10mm; 01 cái Bóp bằng vải màu đen; 01 cặp bao tay bằng vải màu đen. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự: giao trả cho ông Đặng Văn H xe mô tô Dream, xe không biển số, màu đen, số máy: C100MNE0059229; số khung C1000MN0059299 do ông Đặng Văn H đứng tên.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Kh1 và Nguyễn Văn Kh2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CA thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã, phường;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Truyền